

Bản án số 14/2022/DS-ST

Ngày 13-5-2022

Về: “Tranh chấp chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L Đ, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Th Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Di

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga, thư ký Tòa án nhân dân huyện L Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2020/TLST – DS ngày 22 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp chia di sản thừa kế theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/QĐXX – ST ngày 04-4-2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/HPT ngày 27-4-2022 giữa các bên:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1958; địa chỉ: Tt L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963; địa chỉ: TT Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1952; nơi đăng ký HKTT: Tt H, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nơi ở hiện nay: TP Đ. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3.2 Ông Nguyễn Văn Đ. Vắng mặt lần 2 không lý do.

Vợ: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1934; con bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: tt Đ, huyện Đ tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.3 Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị Hồng N; ông Nguyễn Chí Th, sinh năm 1987; bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: TT Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; là vợ con của ông Nguyễn Văn H. Có mặt.

3.4 Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1986, ông Phan Ngọc Ph, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: TT Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; người có yêu cầu độc lập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 15-5-2020, ngày 10-12-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa ông Nguyễn Văn L trình bày:

Nguồn gốc: Diện tích đất 444m² thuộc thửa số 22, tờ bản đồ số 487 tọa lạc tại khu phố L An, thị trấn L Đ, huyện L Đ do cha mẹ (Ông Nguyễn Văn B bà Nguyễn Thị Th) để lại. Ông B mất năm 1960, bà Th mất năm 2004.

Ông B bà Th có 06 người con: Ông Nguyễn Văn Đ (không rõ tung tích), vợ bà Đặng Thị H, con Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N; ông Nguyễn Văn S (liệt sĩ); ông Nguyễn Văn H tự Th cũng là liệt sĩ khi tham gia kháng chiến nên mẹ (bà Th) lấy tên anh trai đặt cho ông H bị đơn hiện tại. Bà Nguyễn Thị Q; ông Nguyễn Văn L và ông Nguyễn Văn H là em út.

Trước năm 1960 gia đình sống ở khu phố L Liên. Sau khi cha chết mẹ mới đưa gia đình về sinh sống tại khu phố L An (là nhà hiện nay tranh chấp). Khi mẹ còn sống, ông H là em út sinh sống cùng mẹ. Ông L bà Q đã lớn và vì kinh tế gia đình khó khăn nên đã đi làm và ra sống riêng khoảng năm 1978. Sau đó ông L lập gia đình ở bên gia đình vợ tại thị trấn L Hải đến nay, có thường xuyên về thăm mẹ, từ lúc mẹ mất thì không về. Đến năm 2004 thì bà Th chết nên ông H vẫn tiếp tục sử dụng. Năm 2019, ông L phát hiện ông H đập bỏ nhà cũ nh không báo bất cứ ai trong gia đình, quá bức xúc việc làm của ông H ông L khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền thì biết được nhà đất của cha mẹ ông H đã làm thủ tục đứng tên của mình.

Tại tòa ông L yêu cầu:

- Xác nhận diện tích đất 433,8m² theo sơ đồ vị trí đo vẽ ngày 05-4-2021 thửa số 487 (mới 15), tờ bản đồ số 22 (mới 116), được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787042 do UBND huyện L Đất cấp ngày 18-4-1998 đứng tên ông Nguyễn Văn H là di sản của bà Th ông B để lại.

- Chia thừa kế là đất theo quy định của pháp luật cho những người được hưởng là ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn Đ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H xác nhận: Năm 1960 trở về trước, theo lời kể của mẹ (bà Th) lúc còn sinh thời thì cha của ông là Nguyễn Văn B, sinh năm 1901, chết năm 1960; mẹ bà Bùi Thị Th, sinh năm 1918 chết năm 2004, cha mẹ và các anh chị sinh sống tại khu phố L Liên, huyện L Đ, tỉnh Phước Ty (nay là tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu). Năm 1960, sau khi cha đã qua đời, thời gian này kháng chiến chống Mỹ ác liệt nên bị dồn dân mẹ mới đưa các con về nơi ở mới là thửa đất mang số 487, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại số 24I khu phố L An, thị trấn L Đ là đất ông H đang quản lý ở hiện nay đồng thời ông H là người từ nhỏ lớn lên ở tại căn nhà này. Thực tế ông H sinh năm 1961, do trốn lính khai tăng 2 tuổi là sinh năm 1963. Tên Nguyễn Văn H của anh trai khi anh chết mẹ lấy đặt luôn cho ông.

Thời gian từ năm 1960 đến năm 1980, các anh chị lần lượt đi lấy chồng, vợ và sinh sống bên gia đình chồng, vợ có cuộc sống riêng ổn định. Ông H là con út trong gia đình vẫn sống cùng với mẹ đến khi lấy vợ sinh con. Năm 1995, nhà nước yêu cầu dân

đăng ký kê khai đất mẹ là người đi làm thủ tục đăng ký kê khai, năm 1998 ông H nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới biết mẹ làm thủ tục đứng tên của ông. Diện tích đất được cấp 444m², thuộc thửa 487 tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại thị trấn L Đ. Từ khi ông H được cấp giấy đất đến nay các anh chị đều biết và không ai có ý kiến gì.

Riêng ông L, suốt thời gian từ năm 1998 đến khi mẹ mất không hề lui tới thăm viếng hoặc có nghĩa vụ chăm sóc mẹ như ông L đã nói cho đến trước khi đưa tang mẹ ông mới xuất hiện và đưa tang.

Tại phiên tòa ông H xác nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787042 do UBND huyện L Đất cấp ngày 18-4-1998 đứng tên ông Nguyễn Văn H là di sản của bà Th để lại đã chuyển giao quyền sở hữu cho ông từ năm 1995 đến nay. Qua yêu cầu của ông L ông H không đồng ý, đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của ông L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà Nguyễn Thị Q: Bà là chị ruột của ông Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn H, ông H là em út được mẹ mang thai khi cha chết, sau đó ông H sinh ra nH lại lấy tên của người anh bị chết liệt sĩ. Bà Q xác nhận cha mẹ là bà Th ông B và có tất cả 06 người con như ông L và ông H trình bày là đúng.

Nguồn gốc thửa đất số 487 tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại khu phố L An hiện nay đứng tên ông Nguyễn Văn H mang số K 787042 là của chế độ củ dòn dân và buộc gia đình về đây sống, đến giải phóng thì làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Th, bà Q không biết lý do nào ông Nguyễn Văn H được đứng tên đất.

Nay bà Q nhất trí ý kiến của ông L, nghĩa là đất của mẹ không để di chúc lại cho ai thì phải chia đều cho 04 người còn sống là bà, ông H, ông L và ông Đ. Ông Đ mất tích trong chiến tranh còn vợ và 02 con sống gần nhà ông H hiện nay. Bà Q xác nhận trên diện tích đất tranh chấp có 02 căn nhà do ông H xây mới xây vào khoảng năm 2020.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng H: Bà là vợ ông H sống chung với mẹ chồng từ khoảng năm 1982 tại căn nhà mang số 24I khu phố L An đến nay. Vợ chồng có tất cả 4 người con: Nguyễn Thị Hồng P, Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị Hồng Th và Nguyễn Chí Th.

Trên diện tích đất ông L yêu cầu chia thừa kế hiện nay có 02 căn nhà lớn được xây dựng hết đất, 01 căn do vợ chồng bà cùng 02 con (Th và Th) sống và 01 căn do vợ chồng N, Ph sống với 02 con là Phan Nhất L và Phan Hạo N . Bà Nguyễn Thị Hồng P sinh sống tại nhà chồng trên Đồng Nai. Tất cả các con không ai góp tiền vào xây dựng 02 căn nhà lớn đó.

Khoảng năm 2014, khi vợ chồng bà chưa xây dựng căn nhà thứ 2 thì N với Ph có tự bỏ tiền ra xây căn phòng khoảng 20m² sinh sống và hiện nay dùng làm nơi chứa đồ đạc. Bà H xác nhận đất do mẹ chồng cho ông H (chồng bà). Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông L chia thừa kế đất đó thì bà yêu cầu ai sử dụng đất có vật kiến trúc (nhà) do vợ chồng bỏ tiền xây dựng thì phải trả tiền lại cho vợ chồng bà.

3. Bà Nguyễn Thị Hồng Th, ông Nguyễn Chí Th: Chúng tôi con ruột ông Nguyễn Văn H, mẹ Nguyễn Thị Hồng H. Hiện nay đang sống cùng cha mẹ tại nhà số

24I cát trên diện tích 444m² thuộc thửa số 487, tờ bản đồ số 22 khu phố L An, thị trấn L Đ. Trên diện tích đất 444m² thuộc thửa số 487, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại khu phố L An, thị trấn L Đ có 02 căn nhà do cha mẹ của chúng tôi xây dựng. Chúng tôi không bỏ khoảng tiền nào để xây dựng 02 căn nhà này.

4. *Người có yêu cầu độc lập (bà Nguyễn Thị Hồng Nhung Phan Ngọc Ph):* Ông Nguyễn Văn L là bác ruột của chúng tôi (anh ruột của ông H). Tôi(N) con ruột của ông Nguyễn Văn H, anh Ph là chồng của N. Thửa đất số 487, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại KP L An, thị trấn L Đ, huyện L Đ có nguồn gốc: Của bà nội là bà Bùi Thị Th cho ba. Tôi (N) từ nhỏ tới giờ sống với ba và bà nội tại căn nhà này, bác L ở đâu thì tôi không rõ. Thời điểm bà nội còn sống bác ít về thăm khi bà bệnh có gọi thì bác cũng về chỉ một, hai lần, đến khi bà mất bác không cúng giỗ, có giỗ thì ba của tôi cũng gọi bác nH bác L cũng chỉ về cúng giỗ cũng được 01 lần. Nay bác yêu cầu chia thừa kế chúng tôi không có ý kiến đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Chúng tôi có biết thời điểm khoảng đầu năm 2020, khi bác L khởi kiện chia thừa kế nộp đơn đến UBND hòa giải, tại UBND cán bộ có giải thích nên thương lượng, vì ông H đã cất nhà ở thì ông H sẽ hoàn tiền lại cho ông L một phần với số tiền là 150.000.000 đồng nH ông L không đồng ý mà đòi chia ½ giá trị.

Bà Th và ông Nguyễn Văn B có tất cả bao nhiêu người con thì chúng tôi không rõ, hiện nay còn sống là ba(ông H), ông L(Bác) và bà cô tên Nguyễn Thị Q (thường gọi là Tám Q) và ba tôi có thờ 02 người bác là liệt sĩ. Theo chúng tôi biết có 01 người nữa tên bác Nguyễn Văn Đ, vợ bác Đ và 02 người con đang sống kế bên nhà chúng tôi.

Thời điểm sống cùng gia đình chúng tôi có xây dựng một căn nhà cấp 4 phía trước nhà ba mẹ đang ở hiện nay diện tích khoảng 20 m² xây từ năm 2014. Năm 2013, thì có làm thêm nơi để nuôi gà là phía bên hông nhà ba mẹ và có lợp mái tôn từ chuồng gà nối vô nhà bếp của ba mẹ dùng để làm nơi để đồ và đi lại, mái tôn dựng từ khoảng năm 2020. Chúng tôi đề nghị nếu ai được thừa hưởng đất mà có phần xây dựng của chúng tôi thì đề nghị trả lại số tiền 50.000.000 đồng cho chúng tôi. Ngoài ra chúng tôi không còn yêu cầu nào khác.

5. *Ông Nguyễn Văn Đ, vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Bà Đặng Thị H, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị K:* Chúng tôi là vợ, con của ông Nguyễn Văn Đ. Ba ông Đ là Nguyễn Văn B, mất năm 1960, mẹ bà Bùi Thị Th mất năm 2004. Ngoài các ông (bà) Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Q thì những ông (bà) khác đã chết lúc còn nhỏ nên không rõ năm sinh và tên. Nhà mang số 28I khu phố L An hiện gia đình đang sinh sống là do mẹ con chúng tôi tự mua đất cất nhà. Thửa đất số 487, tờ bản đồ 22 khu phố L An hiện do gia đình ông H sinh sống là của bà Bùi Thị Th cho ông Nguyễn Văn H. Ông H là con út có trách nhiệm thờ cúng hương hỏa ông bà và chịu trách nhiệm chăm sóc bà Th đến khi mất nên bà Th tặng cho ông H từ khoảng năm 1995. Đây là đất của bà Th tự nguyện cho ông H và tự bà Th đi làm giấy tờ cho ông H. Thời gian sống cùng với bà Th mẹ con chúng tôi không bỏ khoản tiền nào để xây dựng nhà trên diện tích đất tranh chấp, nhà do vợ chồng ông H xây. Nay bà H, bà N và bà K xin từ chối nhận di sản thừa kế của bà Bùi Thị Th và ông Nguyễn Văn B để lại.

- Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán tuân theo quy định của pháp luật tại Điều 198 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự tuân theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên xét xử: Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng tuân theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Phân tích nội dung có gửi bài phát biểu kèm theo trong hồ sơ. Từ các phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp chia di sản thừa kế đối với bị đơn. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Phan Ngọc Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[.] Ông L yêu cầu được chia di sản thừa kế là thửa đất 487, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại khu phố L An, thị trấn L Đ, huyện L Đ. Xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và tài sản tranh chấp tại thị trấn L Đ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự .

[.] Các ông(bà) H, N, K, Th, Q có đơn yêu cầu được vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[.] Bà Đặng Thị H, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị N xác nhận ông Nguyễn Văn Đ là chồng, cha. Ông Đ tham gia kháng chiến và biệt tích đến nay các bà không làm thủ tục xác nhận là chết hay mất tích. Ngày 18-01-2021, Tòa án nhân dân huyện L Đ ban H Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 01/QĐ-TA, đến nay đã hơn 04 tháng không có tin tức của ông Đ. Bà H, bà N và bà K xác nhận không có công sức đóng góp vào khối tài sản đang tranh chấp đồng thời xin từ chối nhận di sản của bà Th ông B để lại; ghi nhận sự tự nguyện của bà H, bà K và bà N nên không đặt ra để xem xét đúng tinh thần quy định tại Điều 620 Bộ luật dân sự.

[.] Đối với Nguyễn Chí Th, Nguyễn Thị Hồng Th xác nhận đất cất nhà do ông bà nội cho ba (ông Nguyễn Văn H), quá trình sinh sống với cha, mẹ ông (bà) không bỏ khoảng tiền nào để xây dựng 02 căn nhà trên đất ông L yêu cầu chia thừa kế, xác định không phải là người liên quan trong vụ án.

[.] Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N ông Phan Ngọc Ph có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà N ông Ph theo đơn yêu cầu độc lập ngày 07-01-2021.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn L yêu cầu công nhận diện tích đất 433,8m² thuộc thửa 487 (số mới 15) tờ bản đồ số 22 (mới 116) tọa lạc tại khu phố L An, thị trấn L Đ là di sản của ông B bà Th để lại không di chúc cho ai. Vì vậy yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho những người con bà Th ông B còn sống là ông(L), ông H, vợ con ông Đ và bà Q. Ông H cho rằng đất do bà Th cho riêng mình ông đã làm thủ tục ông

đứng tên đất từ năm 1998, không ai tranh chấp nên ông không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông L nêu ra.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về Nguồn gốc: Tại sổ mục kê đất và sổ Địa chính ngày 11-12-1996 được lưu trữ tại UBND thị trấn L Đ và được UBND huyện L Đất xác nhận ngày 17-12-1996 thì diện tích đất 444 m² (đo đạc ngày 05-4-2021 diện tích 433,8m²), thửa 487(mới 15), tờ bản đồ số 22(mới 116) tọa lạc tại thị trấn L Đ do ông Nguyễn Văn H đăng ký kê khai, được Hội đồng xét duyệt UBND thị trấn trong đợt 2 đã xét đủ điều kiện 619 đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển về huyện nên UBND thị trấn L Đ ban H Tờ trình số 206 ngày 22-10-1997, Phòng địa chính huyện L Đất kiểm tra thẩm định ban H Tờ trình số 01/TT-ĐC ngày 08-11-1997, tại số TT 58 (Danh sách xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng) ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 787042 ngày 18-4-1998.

[2.2] Tại sơ đồ vị trí do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lập ngày 05-4-2021, diện tích đất là 433,8m² thửa số mới 15(thửa cũ 487), tờ bản đồ 116(tờ bản đồ cũ 22), trên đất có căn nhà diện tích 118,6m² được ký hiệu (nhà 3) được xây dựng từ năm 2016, căn nhà này do vợ chồng bà N ông Ph sống với 02 con. Bà N ông Ph xác nhận nhà do cha mẹ (ông H bà H) xây dựng, ông bà không bỏ khoảng tiền nào.

Năm 2020, ông H bà H tiếp tục xây mới căn thứ 2 trên nền nhà cũ diện tích 130,5m² được ký hiệu (nhà 2) hiện vợ chồng ông H cùng 02 con là Th và Th đang sử dụng và cũng chính xây dựng căn nhà này mới phát sinh tranh chấp thừa kế. Ông Th bà Th xác nhận do vợ chồng ông H xây dựng, ông bà không bỏ khoảng tiền nào.

Ngoài ra trên diện tích đất tranh chấp còn có 01 căn nhà diện tích 21,1m² được ký hiệu (nhà 1), sân 2 diện tích 41,3m², sân 1 diện tích 35,0m² được che tole và diện tích 10,2m² là chuồng nuôi gà do vợ chồng Ph, N làm.

Theo xác nhận của ông L, bà Q: nhà 2 và 3 do ông H bà H xây dựng; nhà 1, sân 1, sân 2, chuồng gà, lợp mái tole do bà N ông Ph là người xây dựng. Tại thời điểm bà Th còn sống, bà Th sống cùng với vợ chồng ông H và các con của ông H bà H, đến khi bà Th chết gia đình ông H quản lý và sử dụng; kể từ thời điểm ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H sử dụng đất, nhà liên tục, công khai từ năm 1995 đến nay. Việc tiến H kê khai đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H là người thực hiện mà không gặp bất kỳ sự phản đối nào.

[2.3] Theo xác nhận của UBND thị trấn L Đ thì năm 1996 Ủy ban đã tuyên truyền phổ biến rộng rãi chính sách kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến với các hộ dân; cụ thể như phân tích trên là Sổ mục kê đất lưu trữ tại UBND thị trấn được phê duyệt năm 1996 có thể hiện rất nhiều hộ dân đăng ký kê khai. Trong đó có trường hợp kê khai sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H.

Như phân tích trên xác định diện tích đất 444 m², thửa 487(mới 15), tờ bản đồ số 22(mới 116) tọa lạc tại thị trấn L Đ không phải là di sản của bà Th ông B để lại. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn về chia thừa kế đối với ông H không có cơ sở chấp nhận.

[3] Chi phí tố tụng (đo vẽ, thẩm định, định giá, sao lục hồ sơ...) tổng chi 8.092.352 đồng, ông Nguyễn Văn L đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu của ông L không được chấp nhận nên ông L phải chịu toàn bộ chi phí này. Ông L đã nộp xong.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Theo biên bản định giá ngày 12-01-2021 được tính như sau:

- Nhà 1: $1.283.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 60\% \times 21,1\text{m}^2 = 16.242.780\text{đồng}$
- Nhà 2: $4.325.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 80\% \times 130,5\text{m}^2 = 451.530.000\text{đồng}$.
- Nhà 3: $4.325.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 80\% \times 118,6\text{m}^2 = 410.356.000\text{đồng}$.
- Đất: $326,2 \text{ m}^2 \times 5.000.000\text{đồng} = 1.631.000.000\text{đồng}$
- Mái che, sân 1, sân 2 và chuồng gia súc: 23.347.800 đồng + 1.401.480 đồng.

Tổng giá trị tranh chấp là: 2.533.870.060 đồng thì phải nộp án phí có giá ngạch là: 82.677.401 đồng làm tròn số 82.677.000 đồng. Ông L bà Q là người phải chịu. Căn cứ điểm đ điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 nên ông L bà Q được miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Phan Ngọc Ph.

2. Căn cứ: khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 3 Điều 228; Điều 91 và 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ, Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với ông Nguyễn Văn H về “chia di sản thừa kế”.

3. Về chi phí tố tụng: Ông L đã nộp xong.

4. Về án phí có giá ngạch: Miễn toàn bộ cho ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị Q.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT
- Viện kiểm sát ND huyện L Đ
- Chi cục thi H án huyện L Đ
- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất Huyện L Đ.
- Ủy ban nhân dân huyện L Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Th Trúc

